

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 46/2010/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và số 07/2002/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP);

Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP như sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng.

1. Các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP (các tỉnh có huyện nghèo, các huyện nghèo được xác định tại Phụ lục I ban hành kèm theo công

văn số 705/TTg-KGVX ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP và các tỉnh có huyện nghèo, các huyện nghèo khác thuộc đối tượng thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP).

2. Các công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP (sau đây gọi tắt là các công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo) được quy định tại điểm 2, khoản D, mục II, phần II, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh.

Các nguồn vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo, bao gồm:

1. Vốn ngân sách nhà nước (gồm vốn ngân sách địa phương và vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương);
2. Vốn trái phiếu Chính phủ;
3. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ không hoàn lại được tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ;
4. Vốn từ các chương trình, dự án;
5. Vốn hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo.

1. Đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả.
2. Áp dụng thống nhất cùng một cơ chế quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư quy định tại Thông tư này đối với vốn ngân sách nhà nước (gồm vốn ngân sách địa phương và vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương); vốn trái phiếu Chính phủ; vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ không hoàn lại được tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước; vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án; kể cả trường hợp một dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đo thực hiện lồng ghép các nguồn vốn.

- CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Lập kế hoạch vốn đầu tư, phân bổ và thẩm tra phân bổ kế hoạch vốn đầu tư hàng năm.

1. Việc lập kế hoạch và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư hàng năm (trong đó có việc lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn các huyện nghèo) thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2009/TTLT-BKH-BTC ngày 30/10/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên

địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Khi phân bổ dự toán cho dự án, công trình phải chi tiết theo ngành kinh tế (Loại, Khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống Mục lục Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) để làm cơ sở quản lý, kế toán, quyết toán ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

2. Sau khi phân bổ kế hoạch vốn đầu tư:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố gửi kế hoạch vốn đầu tư về Bộ Tài chính, đồng gửi Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn.

- Ủy ban nhân dân các huyện gửi kế hoạch vốn đầu tư về Sở Tài chính, đồng gửi Phòng Tài chính-Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn.

3. Thẩm tra phân bổ kế hoạch vốn đầu tư: Trong quá trình tham gia với các cơ quan liên quan về kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, Sở Tài chính, Phòng Tài chính-Kế hoạch đồng thời thực hiện nhiệm vụ thẩm tra kế hoạch phân bổ vốn đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định. Căn cứ quyết định về kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo quy định.

Điều 5. Thời hạn thực hiện và thanh toán vốn đầu tư.

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước (gồm vốn ngân sách địa phương và vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương); vốn trái phiếu Chính phủ; vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án bố trí cho các dự án đầu tư trong năm kế hoạch chưa thực hiện hết được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán đến hết tháng 6 của năm sau năm kế hoạch.

2. Thời hạn thanh toán vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau: Vốn ứng trước của kế hoạch năm nào được thực hiện thống nhất với thời hạn thanh toán vốn đầu tư của kế hoạch năm đó.

Điều 6. Thanh toán vốn đầu tư đối với vốn ngân sách nhà nước (gồm vốn ngân sách địa phương và vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương); vốn trái phiếu Chính phủ; vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án.

1. Mở tài khoản:

Chủ đầu tư mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện hoặc Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện để thực hiện giao dịch và thanh toán vốn đầu tư cho tất cả các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước (gồm vốn ngân sách địa phương, vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án) và vốn trái phiếu Chính phủ đã bố trí cho dự án.

2. Tài liệu cơ sở của dự án:

Để phục vụ cho công tác kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán các tài liệu cơ sở của dự án (các tài liệu này là bản chính hoặc bản sao có ký tên đóng dấu của chủ đầu tư; chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư kể cả trường hợp dự án sử dụng nhiều nguồn vốn do thực hiện lồng ghép, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

2.1. Đối với vốn chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;
- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định;
- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

2.2. Đối với vốn thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định hoặc văn bản giao cho các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản thực hiện của cấp có thẩm quyền (đối với những công trình quy mô nhỏ ở cấp thôn, bản);

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (bao gồm cả các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của Bộ Xây dựng) hoặc hợp đồng giữa chủ đầu tư và các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản (đối với những công trình quy mô nhỏ ở cấp thôn, bản giao cho các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản thực hiện);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng.

3. Tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng:

3.1. Đối tượng và mức vốn tạm ứng:

- Đối với những công trình hoặc gói thầu do các doanh nghiệp thực hiện: Chủ đầu tư và nhà thầu căn cứ tiến độ thực hiện và yêu cầu quản lý thỏa thuận mức tạm ứng cụ thể nhưng không vượt kế hoạch vốn trong năm của công trình.

- Đối với những công trình hoặc gói thầu do các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản thực hiện: Mức tạm ứng bằng 70% giá trị của hợp đồng nhưng không vượt kế hoạch vốn trong năm của công trình.

- Đối với công việc giải phóng mặt bằng: Mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch giải phóng mặt bằng.

3.2. Thu hồi vốn tạm ứng:

a) Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu (hoặc các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản) để xác định.

Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng: Sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng.

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu (hoặc các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản) tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý chặt chẽ, sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm đảm bảo hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng hoặc sử dụng vào việc khác, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi trả đủ cho ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm việc tạm ứng vốn mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

c) Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau. Việc chuyển vốn tạm ứng sang năm sau thực hiện theo quy định tại Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3.3. Hồ sơ tạm ứng vốn:

Khi tạm ứng vốn, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo mẫu của cơ quan Kho bạc Nhà nước;
- Chứng từ chuyên tiền.

3.4. Việc tạm ứng vốn được thực hiện một hoặc nhiều lần căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo thỏa thuận nêu trên.

4. Thanh toán khối lượng hoàn thành.

4.1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua các hợp đồng xây dựng, việc thanh toán hợp đồng phù hợp với từng loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán phải được ghi rõ trong hợp đồng.

a) Đối với giá hợp đồng trọn gói:

Thanh toán theo tỉ lệ phần trăm (%) giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình hoàn thành tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng. Sau khi hoàn thành hợp đồng và được nghiệm thu, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu toàn bộ giá hợp đồng đã ký và các khoản tiền được điều chỉnh giá (nếu có).

b) Đối với giá hợp đồng theo đơn giá cố định:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng các công việc hoàn thành (kể cả khối lượng phát sinh được duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu trong giai đoạn thanh toán và đơn giá tương ứng với các công việc đó đã ghi trong hợp đồng hoặc phụ lục bổ sung hợp đồng. Sau khi hoàn thành hợp đồng và được nghiệm thu, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu toàn bộ giá hợp đồng đã ký và các khoản tiền được điều chỉnh giá (nếu có).

c) Đối với giá hợp đồng theo giá điều chỉnh:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng các công việc hoàn thành (kể cả khối lượng phát sinh được duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu trong giai đoạn thanh toán và đơn giá đã điều chỉnh theo quy định của hợp đồng. Trường hợp đến giai đoạn thanh toán vẫn chưa đủ điều kiện điều chỉnh đơn giá thì sử dụng đơn giá tạm tính khi ký hợp đồng để thực hiện thanh toán và điều chỉnh giá trị thanh toán khi có đơn giá điều chỉnh theo đúng quy định của hợp đồng. Sau khi hoàn thành hợp đồng và được nghiệm thu, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu toàn bộ giá hợp đồng đã ký và các khoản tiền được điều chỉnh giá (nếu có).

d) Đối với giá hợp đồng kết hợp:

Việc thanh toán được thực hiện tương ứng theo các quy định thanh toán tại khoản a, b, c trên đây.

e) Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng:

- Đối với khối lượng công việc phát sinh từ 20% trở xuống so với khối lượng công việc tương ứng trong hợp đồng và đã có đơn giá trong hợp đồng thì khối lượng công việc phát sinh được thanh toán theo đơn giá đã ghi trong hợp đồng.

- Đối với khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% so với khối lượng công việc tương ứng trong hợp đồng hoặc khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì khối lượng công việc phát sinh được thanh toán theo đơn giá do chủ đầu tư phê duyệt theo quy định.

- Đối với khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc quy định của hợp đồng áp dụng phương thức giá hợp đồng trọn gói thì giá trị bổ sung được lập dự toán và bên giao thầu và bên nhận thầu thống nhất ký hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này.

f) Hồ sơ thanh toán:

Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng theo quy định tại phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có (đính kèm Thông tư này);

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo mẫu của cơ quan Kho bạc Nhà nước;

- Chứng từ chuyên tiền.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng theo quy định tại phụ lục số 4 kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có (đính kèm Thông tư này).

4.2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng như trường hợp tự làm, các công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, việc thanh toán phù hợp với từng loại công việc, trên cơ sở báo cáo khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc.

4.3. Nguyên tắc kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước:

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình, Kho bạc Nhà nước không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. Kho bạc Nhà nước căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

5. Thời hạn, hình thức tạm ứng, thanh toán:

a) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị tạm ứng, thanh toán hợp lệ của nhà thầu hoặc tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản, chủ đầu tư phải hoàn thành thủ tục đề nghị tạm ứng, thanh toán và chuyển hồ sơ tới Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản.

b) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ tạm ứng, thanh toán theo quy định của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền được tạm ứng, thanh toán theo đề nghị của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước kiểm soát, cấp vốn cho dự án, đồng thời theo đề nghị của chủ đầu tư, thay mặt

chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho các nhà thầu (hoặc các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản), thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

Trường hợp các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản không có tài khoản: Chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước tạm ứng, thanh toán bằng tiền mặt cho Người đại diện (là người do những người dân trong xã tham gia thi công xây dựng bầu; được Ủy ban nhân dân xã xác nhận). Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện gói thầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đảm bảo thanh toán kịp thời, đầy đủ và về tính chính xác, hợp pháp trong việc thanh toán cho người dân tham gia thực hiện gói thầu. Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân tham gia thi công. Khi thanh toán các công trình, gói thầu do các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản thực hiện thì cơ quan thanh toán không thanh toán phần thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trình.

c) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc thanh toán trước, kiểm soát sau cho từng lần thanh toán và kiểm soát trước, thanh toán sau đối với lần thanh toán cuối cùng của gói thầu, hợp đồng. Căn cứ vào nguyên tắc này, Kho bạc Nhà nước hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát thanh toán đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, các nhà thầu (hoặc các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản) và đúng quy định của Nhà nước.

6. Chủ đầu tư bố trí vốn trong kế hoạch hàng năm để mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định.

7. Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án

Điều 7. Quyết toán vốn đầu tư đối với vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách địa phương và vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương); vốn trái phiếu Chính phủ; vốn ngân sách nhà nước thuộc các chương trình, dự án.

1. Quyết toán vốn đầu tư hàng năm:

1.1. Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 về lập, thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 về xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Riêng biểu mẫu báo cáo quyết toán của chủ đầu tư (Biểu số 01/CĐT/BCQT) và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (Biểu số 02/CQ/BCQT) theo quy định tại Thông tư này (đính kèm).

1.2. Xử lý quyết toán đối với số vốn thanh toán trong thời gian kéo dài thực hiện và thanh toán vốn đầu tư:

1.2.1. Số vốn thanh toán đưa vào báo cáo quyết toán năm là số vốn thanh toán từ ngày 01 tháng 01 năm kế hoạch đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách; số vốn thanh toán sau thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách năm trước được quyết toán vào ngân sách năm sau.

1.2.2. Việc chuyển số dư dự toán sang ngân sách năm sau thực hiện theo quy định tại Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

2.1. Tất cả các dự án đầu tư khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định về quyết toán dự án hoàn thành của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

2.2. Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán và hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chậm nhất sau 04 tháng kể từ khi dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Thời gian thẩm tra và phê duyệt quyết toán không quá 04 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán.

2.3. Hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành gồm có:

2.3.1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán và các biểu mẫu báo cáo quyết toán (bao gồm: Biểu số 01/QTDA, Biểu số 02/QTDA, Biểu số 03/QTDA, Biểu số 04/THQT) theo quy định tại Thông tư này (đính kèm).

2.3.2. Tập các văn bản pháp lý có liên quan;

2.3.3. Các hợp đồng liên quan đến dự án, công trình hoàn thành;

2.3.4. Các biên bản nghiệm thu thanh toán, biên bản nghiệm thu hạng mục, công trình hoặc dự án hoàn thành, biên bản bàn giao đưa vào sử dụng;

2.3.5. Bản quyết toán hợp đồng A-B;

2.3.6. Kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra và Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước (nếu có).

2.4. Thẩm quyền thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

2.4.1. Sở Tài chính thẩm tra trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư;

2.4.2. Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện thẩm tra trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quyết toán đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định đầu tư; thẩm tra gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt quyết toán đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định đầu tư.

2.5. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành: Trường hợp cần thiết phải kiểm toán dự án hoàn thành trước khi thẩm tra phê duyệt quyết toán, cơ quan thẩm tra báo cáo Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán ra văn bản yêu cầu chủ đầu tư thuê tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tính bằng 0,64% giá trị tổng mức đầu tư của dự án cộng với thuế giá trị gia tăng nhưng không thấp hơn một triệu đồng.

2.6. Quy trình tiếp nhận hồ sơ và trình tự thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành ban hành kèm theo Quyết định số 56/2008/QĐ-BTC ngày 17/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2.7. Định mức chi phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành được tính bằng 0,38% giá trị tổng mức đầu tư của dự án đầu tư nhưng không nhỏ hơn năm trăm ngàn đồng.

2.8. Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

- Chủ đầu tư.
- Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư.
- Cơ quan cấp vốn, thanh toán.
- Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, trụ sở Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 8. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); vốn viện trợ không hoàn lại được tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước.

1. Thanh toán vốn đầu tư:

1.1. Mở tài khoản:

Chủ đầu tư được mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ hoặc Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Hiệp định tín dụng, Văn kiện dự án hoặc Hiệp định tài trợ.

1.2. Tài liệu cơ sở của dự án:

Ngoài các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 6, cần bổ sung thêm:

- Văn bản của chủ chương trình, dự án (cơ quan trung ương hoặc cấp tỉnh) thông báo về tỷ lệ tài trợ của các hạng mục được thanh toán theo Hiệp định tín dụng, Văn kiện dự án hoặc Hiệp định tài trợ;

- Bảo lãnh tạm ứng (nếu có) theo quy định cụ thể của Hợp đồng.

1.3. Hồ sơ và thủ tục tạm ứng, thanh toán đối với dự án xây dựng cơ bản hoặc thành phần chi xây dựng cơ bản trong các dự án hỗn hợp thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này; riêng việc thanh toán, xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành không phụ thuộc vào kế hoạch năm được duyệt.

2. Quyết toán dự án ODA sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản:

Các dự án ODA sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản được quyết toán theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Quản lý nguồn vốn hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (gọi chung là Nhà tài trợ).

Việc quản lý nguồn vốn hỗ trợ, đóng góp của Nhà tài trợ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định tại Thông tư này.

1. Trường hợp đóng góp có địa chỉ cụ thể:

1.1. Trường hợp Nhà tài trợ đóng góp bằng tiền để xây dựng một công trình: Nhà tài trợ chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của Ủy ban nhân dân huyện mở tại Kho bạc Nhà nước huyện. Ủy ban nhân dân huyện thông báo cho chủ đầu tư công trình thực hiện. Việc quản lý thanh toán, quyết toán vốn đóng góp của Nhà tài trợ thực hiện theo quy định như đối với vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo (trừ trường hợp Nhà tài trợ có yêu cầu khác).

1.2. Trường hợp Nhà tài trợ đóng góp bằng hiện vật (như vật tư, thiết bị, ngày công lao động) để xây dựng một công trình: Chủ đầu tư, Nhà tài trợ, nhà thầu (nếu có) cùng các cơ quan chức năng có liên quan của huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch, cơ quan quản lý xây dựng) tổ chức nghiệm thu xác định giá trị vật tư, thiết bị, ngày công lao động theo đúng định mức, đơn giá của Nhà nước để bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Chủ đầu tư báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với công trình do cấp huyện quản lý) hoặc Ủy ban nhân dân xã (đối với công trình do cấp xã quản lý) để thực hiện ghi thu, ghi chi theo chế độ quy định.

1.3. Trường hợp Nhà tài trợ tự tổ chức xây dựng và đóng góp bằng một công trình hoàn thành: Việc quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình do Nhà tài trợ quyết định. Sau khi công trình hoàn thành, Nhà tài trợ, đơn vị được giao quản lý sử dụng công trình, nhà thầu (nếu có) cùng các cơ quan chức năng có liên quan của huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch, cơ quan quản lý xây dựng) tổ

chức nghiệm thu xác định giá trị công trình theo đúng định mức, đơn giá của Nhà nước để bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng.

2. Trường hợp đóng góp chung cho Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững của huyện; không có địa chỉ cụ thể:

2.1. Đối với đóng góp bằng tiền: Nhà tài trợ chuyển trực tiếp vào tài khoản của Ủy ban nhân dân huyện mở tại Kho bạc nhà nước huyện. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức phân phối sử dụng thống nhất trong phạm vi địa phương theo kế hoạch hàng năm và dự án được duyệt. Việc quản lý thanh toán, quyết toán vốn đóng góp của Nhà tài trợ thực hiện theo quy định như đối với vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo (trừ trường hợp Nhà tài trợ có yêu cầu khác).

2.2. Đối với đóng góp bằng hiện vật: Ủy ban nhân dân huyện tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bằng hiện vật của Nhà tài trợ; tổ chức nghiệm thu xác định giá trị theo đúng định mức, đơn giá của Nhà nước; tổ chức phân phối sử dụng thống nhất trong phạm vi địa phương theo kế hoạch hàng năm và dự án được duyệt.

3. Sau khi tiếp nhận đóng góp của Nhà tài trợ, Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp vào kết quả thực hiện Chương trình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Quản lý vốn duy tu, bảo dưỡng.

1. Các công trình hạ tầng cơ sở thiết yếu đã được đầu tư trong phạm vi cấp xã và dưới xã được sử dụng nguồn vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế-xã hội của các huyện nghèo và huy động các nguồn khác (như vốn, vật tư, lao động huy động trong cộng đồng) để thực hiện duy tu, bảo dưỡng.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các công trình do xã quản lý, sử dụng trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân xã là chủ đầu tư nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng của xã. Trên cơ sở vốn duy tu, bảo dưỡng được Ủy ban nhân dân huyện phân bổ, Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập và phê duyệt dự toán chi tiết công tác duy tu, bảo dưỡng. Giá cả vật tư, lao động theo mặt bằng giá tại khu vực xã do chủ đầu tư quyết định.

4. Tùy theo tính chất công việc, Ủy ban nhân dân xã giao Trường thôn, bản tổ chức nhân dân trong thôn, bản tự duy tu, bảo dưỡng hoặc thành lập tổ, nhóm thực hiện. Chủ đầu tư ký hợp đồng và tổ chức nghiệm thu, thanh toán với đại diện tổ, nhóm thực hiện.

5. Trên cơ sở quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hoá hướng dẫn thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng tại địa phương.

Điều 11. Chi phí giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính.

3. Đối với các dự án đầu tư nhỏ (có giá trị dưới 500 triệu đồng) và chủ đầu tư không thuê được tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư trình Người quyết định đầu tư giao cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình. Trường hợp này, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được hưởng định mức chi phí giám sát thi công công trình xây dựng, tối đa không vượt định mức giám sát thi công công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và công bố.

Điều 12. Chế độ báo cáo.

1. Đối với các chủ đầu tư:

Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có liên quan.

2. Đối với Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước:

Thực hiện chế độ báo cáo về vốn đầu tư của các dự án theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Quyết định số 1869/QĐ-BTC ngày 06/6/2005 về việc ban hành Quy chế thông tin báo cáo về vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước trong nội bộ ngành tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư của các dự án theo quy định tại Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước; Thông tư số 05/2007/TT-BKH ngày 09/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007; Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành chế độ

báo cáo tình hình thực hiện các chương trình dự án ODA và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có liên quan.

1. Đối với chủ đầu tư:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định. Tiếp nhận và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư phát triển.

- Thực hiện việc nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo quy định của hợp đồng.

- Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

- Cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc Nhà nước và cơ quan Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan Tài chính và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Thực hiện kế toán đơn vị chủ đầu tư; quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành.

- Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc Nhà nước trả lời và giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc thanh toán vốn.

2. Đối với Ủy ban nhân dân xã:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thành lập và hoạt động các tổ, đội, hội, nhóm ở thôn, bản.

- Giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công của Người đại diện cho người dân tham gia thi công.

- Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật nhà nước về những quyết định của mình.

3. Đối với Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước.

- Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật nhà nước về những quyết định của mình.

4. Đối với cơ quan Tài chính và Kho bạc Nhà nước:

- Cơ quan Tài chính các cấp thực hiện công tác quản lý tài chính vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định.

- Cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ cho các dự án khi đã có đủ điều kiện thanh toán vốn; hết năm kế hoạch, xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án.

Điều 14. Hiệu lực thi hành.


Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành. Các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng từ năm ngân sách 2010.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./

Nơi nhận :

- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng TW về Phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan TW của các đoàn thể, các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Kạn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Kom Tum;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Kạn, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Kom Tum;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ Đầu tư.

KI. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Phạm Sỹ Danh

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
 Tên chủ đầu tư....

Biên số 01/CĐT/BCQT
 (kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BTC
 ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
 NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM 20...**

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Năm 20...			Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm báo cáo	Ghi chú		
				Kế hoạch vốn đầu tư	Số vốn đã thanh toán					
					Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành			Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5	6 = 7 + 8	7	8	9 = 4 + 6	10	
TỔNG SỐ										
A Vốn ngân sách địa phương										
I	Các dự án được giao trong kế hoạch vốn đầu tư hàng năm <i>Dự án...</i>									
II	Các dự án năm trước được phép kéo dài thanh toán <i>Dự án...</i>									
III	Các dự án thuộc kế hoạch ứng trước vốn NSNN năm sau <i>Dự án...</i>									
B Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ										
I	Các dự án được giao trong kế hoạch vốn đầu tư hàng năm <i>Dự án...</i>									
II	Các dự án năm trước được phép kéo dài thanh toán <i>Dự án...</i>									
III	Các dự án thuộc kế hoạch ứng trước vốn NSNN năm sau <i>Dự án...</i>									
C Vốn trái phiếu Chính phủ										
I	Các dự án được giao trong kế hoạch vốn đầu tư hàng năm <i>Dự án...</i>									
II	Các dự án năm trước được phép kéo dài thanh toán <i>Dự án...</i>									
III	Các dự án thuộc kế hoạch ứng trước vốn NSNN năm sau <i>Dự án...</i>									
D Vốn ODA, vốn viện trợ không hoàn lại										
	<i>Dự án...</i>									
E Vốn từ chương trình, dự án										

I	Các dự án được giao trong kế hoạch vốn đầu tư hàng năm								
	<i>Dự án...</i>								
II	Các dự án năm trước được phép kéo dài thanh toán								
	<i>Dự án...</i>								
III	Các dự án thuộc kế hoạch ứng trước vốn NSNN năm sau								
	<i>Dự án...</i>								
F	Vốn hỗ trợ, đóng góp								
	<i>Dự án...</i>								

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN ...
 Tên cơ quan cấp trên của chủ đầu tư...

Biểu số 02/CDT/BCQT
 (kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BTC
 ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
 NIÊN DỘ NGÂN SÁCH NĂM 20...**

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Năm 20...			Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm báo cáo	Ghi chú		
				Kế hoạch vốn đầu tư	Số vốn đã thanh toán					
					Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành			Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5	6 = 7 + 8	7	8	9 = 4 + 6	10	
	TỔNG SỐ									
	A Vốn ngân sách địa phương									
I	Các dự án được giao trong kế hoạch vốn đầu tư hàng năm <i>Dự án...</i>									
II	Các dự án năm trước được phép kéo dài thanh toán <i>Dự án...</i>									
III	Các dự án thuộc kế hoạch ứng trước vốn NSNN năm sau <i>Dự án...</i>									
	B Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ									
I	Các dự án được giao trong kế hoạch vốn đầu tư hàng năm <i>Dự án...</i>									
II	Các dự án năm trước được phép kéo dài thanh toán <i>Dự án...</i>									
III	Các dự án thuộc kế hoạch ứng trước vốn NSNN năm sau <i>Dự án...</i>									
	C Vốn trái phiếu Chính phủ									
I	Các dự án được giao trong kế hoạch vốn đầu tư hàng năm <i>Dự án...</i>									
II	Các dự án năm trước được phép kéo dài thanh toán <i>Dự án...</i>									
III	Các dự án thuộc kế hoạch ứng trước vốn NSNN năm sau <i>Dự án...</i>									
	D Vốn ODA, vốn viện trợ không hoàn lại									
	<i>Dự án...</i>									
	E Vốn từ chương trình, dự án									

I	Các dự án được giao trong kế hoạch vốn đầu tư hàng năm								
	Dự án...								
II	Các dự án năm trước được phép kéo dài thanh toán								
	Dự án...								
III	Các dự án thuộc kế hoạch ứng trước vốn NSNN năm sau								
	Dự án...								
F	Vốn hỗ trợ, đóng góp								
	Dự án...								

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ đầu tư

Biểu số: 01/QTDA

(kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BTC
ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Tên dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Cơ quan quyết định đầu tư:

Địa điểm xây dựng:

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Thời gian khởi công-hoàn thành:

1. Các văn bản pháp lý liên quan:

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Chức danh người ký
1			
2			
3			
...			

2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên các nguồn vốn	Nguồn vốn theo dự án đầu tư được duyệt	Nguồn vốn đã thực hiện	Tăng (+), giảm (-) so với được duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3 - 4)
1	Ngân sách địa phương			
2	Ngân sách trung ương hỗ trợ			
3	Trái phiếu Chính phủ			
4	Vốn ODA, vốn viện trợ không hoàn lại			
5	Vốn từ chương trình, dự án			
-	Chương trình, dự án ...			
-	Chương trình, dự án ...			
6	Vốn hỗ trợ, đóng góp			
	Tổng cộng 1+2+3+4+5 +6			

3. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4) = (3-2)
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư			
Chi phí xây dựng			
Chi phí thiết bị			
Chi phí quản lý dự án			
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
Chi phí khác			
Tổng cộng:			

4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

5. Giá trị tài sản cố định mới tăng thêm:

6. Giá trị tài sản lưu động bàn giao (nếu có):

7. Thuyết minh, nhận xét, kiến nghị:

..., ngày tháng năm...

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ đầu tư

Biểu số: 02/QTDA

(kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BTC
ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính)

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
(Tính đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán)

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc thực hiện	Giá trị A-B đề nghị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ	
					Còn phải trả	Còn phải thu
	Tổng số					
1						
2						
3						
...						

..., ngày ... tháng ... năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Chủ đầu tư

Biểu số: 03/QTDA

(kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BTC
ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính)

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Địa điểm xây dựng:

1. Tình hình cấp vốn, cho vay, thanh toán :

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	TÊN CÁC NGUỒN VỐN	SỐ LIỆU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	SỐ LIỆU CỦA CƠ QUAN THANH TOÁN VỐN	CHÊNH LỆCH
A	B	1	2	3 = 1 - 2
1	Ngân sách địa phương			
2	Ngân sách trung ương hỗ trợ			
3	Trái phiếu Chính phủ			
4	Vốn ODA, vốn viện trợ không hoàn lại			
5	Vốn từ chương trình, dự án			
-	Chương trình, dự án ...			
-	Chương trình, dự án ...			
6	Vốn hỗ trợ, đóng góp			
	Tổng cộng 1+2+3+4+5 +6			

2. Nhận xét, kiến nghị : Ý kiến nhận xét, kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của cơ quan quản lý, thanh toán vốn đầu tư; nêu những nguyên nhân chênh lệch và kiến nghị xử lý (nếu có):

.... ngày tháng năm...

CHỦ ĐẦU TƯ

**NGƯỜI LẬP
BÁO CÁO**

(Ký, ghi rõ họ
tên)

**KÊ TOÁN
TRƯỞNG**

(Ký, ghi rõ họ
tên)

**THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ**

(Ký, đóng dấu ghi rõ
họ tên)

.... ngày tháng năm....

CƠ QUAN THANH TOÁN VỐN

**KIỂM SOÁT,
THANH TOÁN**

(Ký, ghi rõ họ
tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu,
ghi rõ họ tên)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM...

1. Dự án đầu tư đã được phê duyệt quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	DANH MỤC DỰ ÁN	GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN ĐƯỢC DUYỆT					CHÊNH LỆCH	TỶ LỆ (%)	
			TỔNG SỐ	CHIA THEO NGUỒN						
				Ngân sách địa phương	Ngân sách trung ương hỗ trợ	Trái phiếu Chính phủ	Vốn ODA, vốn viện trợ không hoàn lại			Vốn từ chương trình, dự án
A	B	1	2	3	4	5	6	7	9 = 1 - 2	10
	Tổng số									
1	Dự án 1									
2	Dự án 2									
.....	Dự án ...									

2. Dự án đầu tư hoàn thành đã lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư, chưa phê duyệt quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	DANH MỤC DỰ ÁN	DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT	TỔNG GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT	NGUYÊN NHÂN
	Tổng số			
1	Dự án 1			
2	Dự án 2			
...	Dự án			

3. Dự án đầu tư hoàn thành chưa lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	DANH MỤC DỰ ÁN	DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH	NGUYÊN NHÂN
	Tổng số			
1	Dự án 1			
2	Dự án 2			
...	Dự án			

4. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị về công tác quyết toán vốn đầu tư:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày tháng năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 2
(Kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BXD
ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG

Số ngày tháng năm

Tên/số hợp đồng xây dựng:

Tên Bên giao thầu:

Tên Bên nhận thầu:

Công trình:

Hạng mục:

Giai đoạn thanh toán / lần thanh toán số:

Căn cứ xác định:

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Đơn giá thanh toán	Thành tiền		Ghi chú
			Theo hợp đồng	Đã thực hiện		Theo hợp đồng	Đã thực hiện	
	Tổng cộng							

Bằng chữ:

**Đại diện Bên giao thầu hoặc
đại diện Nhà tư vấn (nếu có)**
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Đại diện Bên nhận thầu

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

PHỤ LỤC 4
(Kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BXD
ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG

Số ngày tháng năm

Tên/số hợp đồng xây dựng:

Tên Bên giao thầu:

Tên Bên nhận thầu:

Công trình:

Hạng mục:

Giai đoạn thanh toán / lần thanh toán số:

Căn cứ xác định:

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh	Đơn giá		Thành tiền		Ghi chú
				Theo hợp đồng	Theo đơn giá bổ sung	Theo hợp đồng	Theo đơn giá bổ sung	
	Tổng cộng							

Bảng chữ:

**Đại diện Bên giao thầu hoặc
đại diện Nhà tư vấn (nếu có)**
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Đại diện Bên nhận thầu
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)